**BÀI 25: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI TRUNG QUỐC**

**I. LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ**

**♦ Đặc điểm**

**- Phạm vi lãnh thổ:**

+ Trung Quốc có diện tích đất khoảng 9,6 triệu km2.

+ Phần lãnh thổ trên đất liền của Trung Quốc kéo dài từ khoảng vĩ độ 20°B đến vĩ độ 53°B và từ khoảng kinh độ 73°Đ đến kinh độ 135°Đ.

+ Trung Quốc có vùng biển rộng lớn thuộc các biển Hoàng Hải, Hoa Đông… thuộc Thái Bình Dương và các đảo, quần đảo.

**- Vị trí địa lí:**

+ Trung Quốc nằm ở khu vực Đông Á.

+ Trung Quốc tiếp giáp với 14 nước (ở phía bắc, phía tây và phía nam) và có đường biên giới trên đất liền dài hơn 21000 km.

+ Phía đông Trung Quốc tiếp giáp với biển.

**♦ Ảnh hưởng:**

- Đất nước rộng lớn, thiên nhiên có sự phân hóa giữa các vùng, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú tạo điều kiện để Trung Quốc phát triển một nền kinh tế đa dạng.

- Phần lớn vùng biên giới với các nước có địa hình núi cao, hiểm trở, khó khăn cho giao thương.

- Tiếp giáp với nhiều quốc gia và vùng biển rộng lớn đã tạo thuận lợi cho việc giao lưu, liên kết kinh tế - thương mại với các nước trong khu vực Đông Á, Đông Nam Á, các nước trên thế giới và phát triển nhiều ngành kinh tế biển.

**II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

**1. Địa hình và đất đai**

**♦**Trung Quốc có nhiều dạng địa hình như đồng bằng, bồn địa, cao nguyên, núi cao,...

**♦**Địa hình Trung Quốc cao dần từ đông sang tây. Có thể dựa vào đường kinh tuyến 105°Đ làm ranh giới tương đối để phân chia 2 miền địa hình khác nhau:

**- Miền Đông:**

+ Có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, từ bắc xuống nam lần lượt là các đồng bằng Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung và Hoa Nam với tổng diện tích hơn 1 triệu km2. Các đồng bằng được những con sông lớn bồi tụ nên có đất phù sa màu mỡ, dân cư tập trung đông, nông nghiệp trù phú.

+ Phía đông nam của miền này có địa hình đồi núi thấp, thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi.

**- Miền Tây:**

+ Có địa hình hiểm trở với những dãy núi, sơn nguyên và các bồn địa lớn như dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya), dãy Côn Luân, sơn nguyên Tây Tạng, bồn địa Ta-rim,...

+ Miền này có đất đai khô cằn, chủ yếu là loại đất xám hoang mạc và bán hoang mạc.

=> Điều kiện tự nhiên ở miền Tây Trung Quốc không thuận lợi cho hoạt động sản xuất, chỉ một số nơi có thể phát triển nghề rừng và có đồng cỏ để chăn nuôi gia súc.

**2. Khí hậu**

**♦**Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu ôn đới, phần phía nam có khí hậu cận nhiệt, ngoài ra, khí hậu còn phân hóa theo chiều đông - tây và phân hóa theo đai cao.

*- Phân hóa theo chiều đông - tây:*

+ Miền Đông có khí hậu gió mùa: lượng mưa trung bình năm từ 750 mm đến 2000 mm, mưa nhiều vào mùa hè. Nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo chiều bắc - nam, phía bắc có nhiệt độ và lượng mưa thấp hơn phía nam.

+ Miền Tây có khí hậu lục địa khắc nghiệt, lượng mưa ít, nhiều nơi dưới 100 mm/năm, nhiệt độ có sự chênh lệch giữa ngày và đêm, giữa các mùa khá lớn.

*- Phân hóa theo đai cao:* Trung Quốc còn có kiểu khí hậu núi cao, hình thành trên các sơn nguyên và núi cao từ 2000 - 3000 m trở lên. Ở các khu vực này về mùa đông rất lạnh, có băng tuyết bao phủ, mùa hạ mát và thời tiết hay thay đổi.

**♦**Nhìn chung, khí hậu ở miền Đông ôn hoà hơn so với miền Tây nên có nhiều thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất.

**3. Sông, hồ**

- Trung Quốc có nhiều sông và hồ lớn, phần lớn các sông đều bắt nguồn từ miền núi phía tây và chảy ra các biển ở phía đông như Hoàng Hà, Trường Giang, Tây Giang,..

+ Ở miền Tây, các sông có giá trị lớn về thuỷ điện;

+ Ở miền Đông, sông có nhiều giá trị về thuỷ lợi, cung cấp nước cho sản xuất, nông nghiệp, phát triển giao thông, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản.

- Trung Quốc có nhiều hồ tự nhiên, tạo nên phong cảnh đẹp như hồ Động Đình (tỉnh Hồ Nam), Thái Hồ (tỉnh Giang Tô),... Các hồ không chỉ có giá trị thuỷ lợi mà còn giúp phát triển du lịch ở các địa phương.

**4. Sinh vật**

- Trung Quốc có tài nguyên rừng với nhiều loài động, thực vật đa dạng và quý hiếm.

- Thảm thực vật có sự phân hóa theo chiều bắc - nam và đông - tây, từ rừng cận nhiệt đới ẩm ở phía nam đến rừng lá rộng và rừng lá kim ở phía bắc; phía tây là thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc.

- Trung Quốc coi trọng việc trồng rừng và bảo vệ rừng, nhờ đó diện tích rừng tăng lên đáng kể trong những năm qua.

**5. Khoáng sản**

- Trung Quốc có nhiều loại khoáng sản với trữ lượng hàng đầu thế giới, có giá trị cao trong công nghiệp như: than (1500 tỉ tấn), dầu mỏ (3 tỉ tấn), khí tự nhiên (200 tỉ m3), quặng sắt (5 tỉ tấn).

- Các mỏ kim loại màu cũng rất phong phú như đồng, chì, kẽm, bô-xít, thiếc, von-phram,... Ngoài ra, Trung Quốc còn có các mỏ muối kali, photphat, graphit và nhiều vùng núi đá vôi.

**6. Biển**

- Trung Quốc có vùng biển rộng, mở ra Thái Bình Dương.

- Trung Quốc có điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp nhiều ngành kinh tế biển:

+ Tài nguyên sinh vật biển phong phú với trên 20.000 loài, nhiều ngư trường rộng lớn.

+ Dọc bờ biển có nhiều vịnh biển có thể xây dựng hải cảng phát triển giao thông vận tải biển.

+ Vùng biển có nhiều tiềm năng khí tự nhiên.

**III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**

**1. Dân cư**

**♦ Đặc điểm**

- Trung Quốc có số dân đông nhất thế giới với hơn 1,43 tỉ người, tỉ lệ gia tăng dân số là 0,39% (năm 2020).

- Mật độ dân số:

+ Mật độ dân số trung bình ở Trung Quốc khá cao, khoảng 150 người/km2 (năm 2020).

+ Phân bố dân cư có sự chênh lệch lớn giữa miền Đông và miền Tây. Miền Đông chiếm khoảng 1/2 diện tích lãnh thổ nhưng tập trung đến 90% dân cư sinh sống, miền Tây có dân cư rất thưa thớt, nhiều nơi có mật độ dân số dưới 10 người/km2.

- Thành phần dân cư: Trung Quốc có khoảng 56 dân tộc cùng sinh sống, trong đó:

+ Chiếm đa số là dân tộc Hán (trên 90%).

+ Các dân tộc ít người như Mãn, Hồi, Duy Ngô Nhĩ, Mông Cổ,... sống chủ yếu ở vùng núi và biên giới.

*- Cơ cấu dân số:*

+ Trung Quốc đang trong thời kì cơ cấu dân số vàng, số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao. Tuy vậy, dân số Trung Quốc đang có xu hướng già hoá.

+ Cơ cấu giới tính ở Trung Quốc có sự chênh lệch khá lớn. Năm 2020, tỉ lệ nam là 51,3%, tỉ lệ nữ là 48,7% trong tổng số dân.

*- Vấn đề đô thị hóa:*

+ Trung Quốc có tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh, đạt 61,0% (năm 2020).

+ Đến 2020, Trung Quốc có 41 thành phố trên 3 triệu dân, trong đó Thượng Hải và Bắc Kinh là 2 thành phố đông dân nhất của Trung Quốc.

**♦ Ảnh hưởng:**

- Dân số đông đã tạo nên thị trường tiêu thụ lớn, nguồn lao động dồi dào cho phát triển kinh tế.

- Tình trạng già hóa dân số làm cho tỉ lệ người già đang ngày càng tăng lên, điều này đặt ra nhiều thách thức cho Trung Quốc trong tương lai.

- Sự chênh lệch về cơ cấu dân số theo giới tính sẽ ảnh hưởng tới đặc điểm nguồn lao động, việc làm và các vấn đề xã hội của Trung Quốc.

- Dân cư phân bố không đồng đều giữa miền Đông và miền Tây đã ảnh hưởng lớn đến việc khai thác tài nguyên, sử dụng lao động; gây sức ép đến vấn đề việc làm, cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường,... ở Trung Quốc.

- Sự đa dạng về thành phần dân cư, tộc người đã góp phần tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa, là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

**2. Xã hội**

- Trung Quốc có nền văn hóa lâu đời, phát triển rực rỡ và là một trong những chiếc nôi của nền văn minh cổ đại trên thế giới, nhiều di sản thế giới được UNESCO công nhận.

- Trung Quốc tăng cường đầu tư phát triển giáo dục, năm 2020 tỉ lệ biết chữ của người từ 15 tuổi trở lên đạt trên 96%. Chính phủ Trung Quốc chú trọng đào tạo lao động, đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ, cải cách tiền lương, nhờ đó người lao động được nâng cao tay nghề, trình độ khoa học - kĩ thuật, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập với thế giới.

- Chất lượng cuộc sống người dân được nâng lên, thể hiện qua chỉ số HDI đạt mức cao (0,764) và GNI/người là 10 530 USD (năm 2020).

- Chính sách công nghiệp hoá nông thôn của Trung Quốc đã làm thay đổi bộ mặt các làng xã, góp phần xây dựng nông thôn mới, làm phong phú thị trường hàng hóa và tác động tích cực đến sự phát triển của xã hội.

**LUYỆN TẬP TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Các vùng biển như biển Hoa Đông, Hoàng Hải thuộc đại dương nào dưới đây?

A. Thái Bình Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Đại Tây Dương. D. Bắc Băng Dương.

**Câu 2.** Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm vị trí địa lí của Trung Quốc?

A. Trung Quốc tiếp giáp với 14 quốc gia.

B. Nằm gần các quốc gia và khu vực có nền kinh tế phát triển năng động.

C. Trung Quốc có cửa ngõ đường biển thông ra Thái Bình Dương.

D. Giáp với hai đại dương lớn là Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 3.** Ý nào sau đây **không** phản ánh đặc điểm phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí của Trung Quốc?

A. Tiếp giáp với nhiều quốc gia ở phía bắc, phía tây và phía nam.

B. Có diện tích rộng lớn thứ ba thế giới.

C. Có vùng biển rộng lớn thuộc các biển Hoàng Hải, Hoa Đông,… thuộc Thái Bình Dương.

D. Biên giới của Trung Quốc với các nước chủ yếu là đồng bằng nên đi lại dễ dàng.

**Câu 4.** Núi, sơn nguyên và cao nguyên chiếm bao nhiêu % diện tích lãnh thổ Trung Quốc?

A. 50. B. 60. C. 70. D. 80.

**Câu 5.** Ý nào dưới đây **không** phải đặc điểm địa hình và đất của miền Tây Trung Quốc?

A. Núi cao, sơn nguyên và cao nguyên là chủ yếu. B. Đồng bằng và đồi núi thấp là chủ yếu.

C. Địa hình hiểm trở và chia cắt mạnh. D. Loại đất phổ biến là đất xám hoang mạc.

**Câu 6.** Ý nào dưới đây **không** phải đặc điểm địa hình và đất của miền Đông Trung Quốc?

A. Nhiều bồn địa và hoang mạc. B. Nhiều đồng bằng rộng lớn.

C. Đồi núi thấp ở phía đông nam. D. Đất phù sa và đất feralit là chủ yếu.

**Câu 7.** Các đồng bằng ở miền Đông Trung Quốc theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là

A. Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam. B. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

C. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung. D. Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Bắc, Hoa Trung.

**Câu 8.** Đặc điểm khí hậu miền Đông Trung Quốc là

A. có lượng mưa trung bình năm thấp. B. chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn.

C. khí hậu gió mùa, lượng mưa trung bình năm lớn. D. khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt.

**Câu 9.** Các kiểu khí hậu nào sau đây chiếm ưu thế ở miền Đông Trung Quốc?

A. Nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa. B. Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.

C. Ôn đới lục địa và ôn đới gió mùa. D. Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới lục địa.

**Câu 10.** Đặc điểm khí hậu miền Tây Trung Quốc là

A. khí hậu ôn hòa. B. mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

C. chênh lệch nhiệt độ giữa các mùa ít. D. khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt.

**Câu 11.** Ý nào dưới đây đúng khi nói về khí hậu của Trung Quốc?

A. Kiểu khí hậu núi cao có đặc trưng là tuyết phủ quanh năm.

B. Khí hậu miền Đông ôn hòa hơn so với miền Tây.

C. Miền Tây có khí hậu gió mùa, miền Đông có khí hậu hải dương.

D. Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu cận nhiệt đới.

**Câu 12.** Nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm dân cư Trung Quốc?

A. Là nước đông dân, tỉ lệ gia tăng dân số cao và mức độ đô thị hóa chậm.

B. Là nước đông dân, tỉ lệ tăng dân số cao, phân bố khá đồng đều.

C. Là nước đông dân, tỉ lệ gia tăng dân số thấp, phân bố rất chênh lệch.

D. Là nước đông dân, phân bố chênh lệch và mức độ đô thị hóa chậm.

**Câu 13.** Ý nào sau đây **không** phản ánh đặc điểm dân cư Trung Quốc?

A. Số dân đông, tỉ lệ tăng tự nhiên cao.

B. Cơ cấu giới tính chênh lệch khá lớn, cơ cấu tuổi đang biến đổi theo hướng già hóa.

C. Có 56 dân tộc cùng chung sống, người Hán chiếm hơn 90% dân số.

D. Mật độ dân số cao, dân cư tập trung đông đúc ở khu vực phía đông.

**Câu 14.** Dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở

A. miền Bắc. B. miền Tây. C. miền Nam. D. miền Đông.

**Câu 15.** Đặc điểm phân bố dân cư Trung Quốc là

A. dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền núi.

B. dân cư phân bố đều khắp lãnh thổ, ở mọi dạng địa hình.

C. dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Tây.

D. dân cư phân bố không đều, tập trung đông ở miền Đông.

**Câu 16.** Dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở miền Đông vì miền này

**A.** là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc. **B.** có kinh tế phát triển, rất giàu tài nguyên.

**C.** ít thiên tai, thích hợp cho định cư lâu dài. **D.** không có lũ lụt hàng năm, khí hậu ôn hòa.

**Câu 17.** Các dân tộc ít người của Trung Quốc phân bố rải rác ở khu vực nào sau đây?

**A.** Các thành phố lớn. **B.** Các đồng bằng châu thổ.

**C.** Vùng núi và biên giới. **D.** Dọc biên giới phía nam.

**Câu 18.** Dân tộc nào chiếm số dân đông nhất ở Trung Quốc?

**A.** Hán. **B.** Choang. **C.** Tạng. **D.** Hồi.

**Câu 19.** Các làng xã ở nông thôn của Trung Quốc có nhiều thay đổi tích cực chủ yếu do

A. chú trọng đào tạo lao động nông thôn. B. chính sách công nghiệp hóa nông thôn.

C. thị trường hàng hóa được mở rộng. D. tăng cường đầu tư phát triển giáo dục.

**Câu 20.** Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm nổi bật về xã hội của Trung Quốc?

A. Là nơi ra đời của nhiều tôn giáo lớn. B. Chất lượng cuộc sống của người dân ở mức rất cao.

C. Ít chú trọng đến công tác giáo dục, y tế. D. Là cái nôi của nền văn minh nhân loại.

**Câu 21.** Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số theo tuổi của Trung Quốc, giai đoạn 1990 – 2020

Đơn vị: %

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Độ tuổi** | **1990** | **2000** | **2010** | **2020** |
| Dưới 15 tuổi | 28,6 | 24,8 | 18,7 | 17,0 |
| Từ 15 đến 64 tuổi | 65,8 | 68,4 | 73,2 | 70,0 |
| Từ 65 tuổi trở lên | 5,6 | 6,8 | 8,1 | 13,0 |

*(Nguồn: Liên hợp quốc, 2022)*

Theo bảng số liệu, loại biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu dân số theo tuổi của Trung Quốc, giai đoạn 1990 – 2020?

A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ đường. C. Biểu đồ miền. D. Biểu đồ tròn.

***\*Làm bài luyện tập và vận dụng trang 138***